






### Tóm tắt nội dung chính

Báo cáo hàng tháng tóm tắt những quan sát và phân tích của chúng tôi về những diễn biến chính trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Dưới đây là tiêu điểm trong tháng dành cho tổ chức phát hành (TCPH) và nhà đầu tư TPDN.

TPDN phát hành mới trong 2024 đạt 485 nghìn tỷ đồng, tăng 40% so với 2023. 19% số TCPH phát hành trái phiếu trong tháng 12/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới trung bình' hoặc yếu hơn, hầu hết đều thuộc nhóm phi tài chính. Trong tháng 12/2024, có 2 trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 12 thuộc CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova. Tỷ lệ chậm trả toàn thị trường đến cuối tháng 12/2024 là 14.5%. Chúng tôi đánh giá rằng có 2 trong số 9 trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024 gặp rủi ro cao không trả được nợ gốc. Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả tăng lên 1% so với tháng trước, đạt 23.9%. Giá trị trung bình giao dịch TPDN thứ cấp tăng 11% so với tháng trước.

Hình 1: Những xu hướng chính trong tháng 12/2024

	TIÊU ĐIỂM	XU HƯỚNG	NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT
	<b>Chậm trả gốc/lãi</b>	Ổn định	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 2 trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 12 thuộc CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova</li> <li>Tỷ lệ chậm trả toàn thị trường đến cuối tháng 12/2024 là 14.5% do tăng về tổng giá trị dư nợ trái phiếu toàn thị trường</li> <li>2 trong tổng số 9 trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024 có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn từ nhóm bất động sản. Số lượng trái phiếu rủi ro sụt giảm đáng kể so với tháng trước.</li> </ul>
	<b>Tình hình xử lý chậm trả</b>	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có 10 TCPH đã thanh toán một phần/hoặc toàn bộ dư nợ gốc trái phiếu chậm trả với tổng giá trị là 2.8 nghìn tỷ đồng trong tháng 12/2024</li> <li>Tỷ lệ thu hồi nợ gốc chậm trả tăng thêm 1% lên mức 23.9%</li> </ul>
	<b>Phát hành mới</b>	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lượng phát hành mới trong tháng 12/2024 là 70.4 nghìn tỷ đồng, cao hơn so với mức 35.8 nghìn tỷ phát hành mới trong tháng 11/2024</li> <li>Trong số 485 nghìn tỷ đồng phát hành mới trong 2024, 70% đến từ khối ngân hàng.</li> </ul>
	<b>Hồ sơ tín nhiệm của TCPH</b>	Ổn định	<ul style="list-style-type: none"> <li>19% số TCPH trong tháng 12/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới Trung Bình' hoặc yếu hơn, cao hơn so với tháng trước nhưng thấp hơn trung bình 11 tháng đầu năm</li> <li>Trong 2024, 52% TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở và Xây dựng.</li> </ul>
	<b>Thị trường thứ cấp</b>	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giá trị giao dịch TPDN thứ cấp trung bình tăng 11% so với tháng trước, đạt 5.8 nghìn tỷ/ngày trong 12/2024, cao hơn so với 5.2 nghìn tỷ/ngày trong tháng trước</li> <li>Trong tháng 12/2024, khoảng 74% giá trị giao dịch thuộc nhóm ngành Ngân hàng và Bất động sản</li> </ul>

 (\*) Màu sắc đậm nhạt thể hiện mức độ từ tiêu cực đến tích cực của các xu hướng

Nguồn: VIS Rating

### LIÊN HỆ

Trần Quốc Thắng, MBA  
Chuyên viên phân tích  
[thang.tran@visrating.com](mailto:thang.tran@visrating.com)

Phạm Anh Tú, MSc  
Chuyên viên phân tích  
[tu.pham@visrating.com](mailto:tu.pham@visrating.com)

Nguyễn Đình Duy, CFA  
Chuyên gia phân tích cao cấp  
[duy.nguyen@visrating.com](mailto:duy.nguyen@visrating.com)

Simon Chen, CFA  
Giám đốc Xếp hạng  
và nghiên cứu  
[simon.chen@visrating.com](mailto:simon.chen@visrating.com)



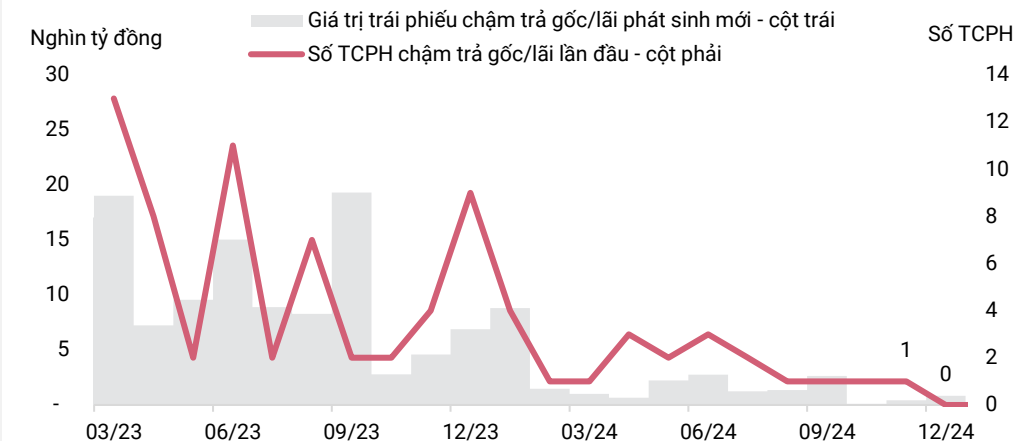
<https://visrating.com>

## Tình hình chậm trả gốc/lãi

Có 2 trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 12 năm 2024, tỷ lệ chậm trả lũy kế ổn định ở mức 14.5%

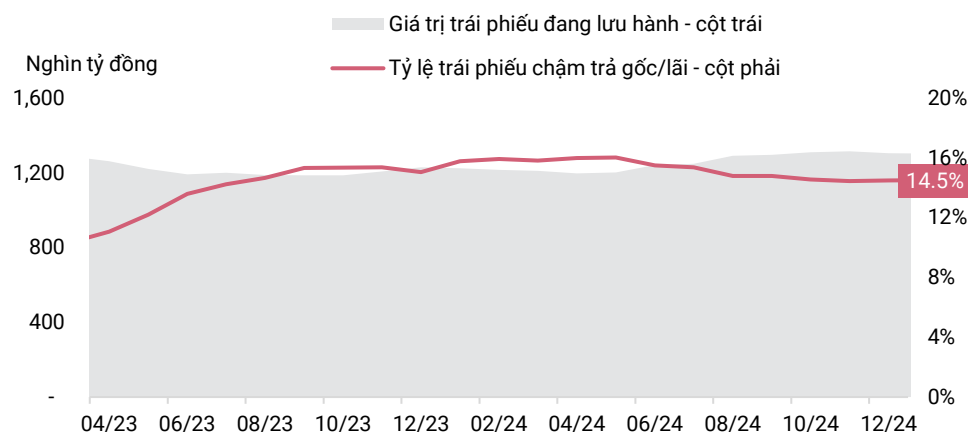
- Tháng 12 năm 2024, hai trái phiếu chậm trả lần đầu thuộc CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (Novaland) với tổng giá trị gốc trái phiếu là 830 tỷ đồng. Theo công bố thông tin ngày 3 tháng 1 năm 2025, Novaland đang đàm phán với các trái chủ và sẽ thanh toán khoản chậm trả trước ngày 8 tháng 1 năm 2025. Chúng tôi chưa có thông tin về tiến độ thanh toán của khoản này. Trước đó, Hội đồng quản trị của Novaland cũng công bố thông tin mua lại 21 trái phiếu của công ty với tổng giá trị tối đa 7,000 nghìn tỷ đồng, bao gồm 2 trái phiếu trên.
- 21 TCPH chậm trả gốc/lãi lần đầu trong năm 2024 tính đến thời điểm hiện tại, giảm đáng kể so với 79 TCPH chậm trả gốc/lãi trong năm 2023.
- Tỷ lệ chậm trả lũy kế vào cuối tháng 12/2024 giữ ở mức 14.5%. Nhóm Năng lượng có tỷ lệ chậm trả cao nhất ở mức 43%, trong khi nhóm Bất động sản Nhà ở chiếm 62% tổng lượng trái phiếu chậm trả.
- Chúng tôi kỳ vọng lượng trái phiếu chậm trả phát sinh mới thực tế cao hơn số liệu hiện tại. Chúng tôi ước tính có 15 trái phiếu có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn vào tháng 12 năm 2024<sup>1</sup>. Số liệu tại báo cáo này cập nhật đến ngày 6 tháng 1 năm 2025 dựa trên dữ liệu công bố trên trang chủ của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Hình 2: Trái phiếu chậm trả phát sinh mới theo tháng**



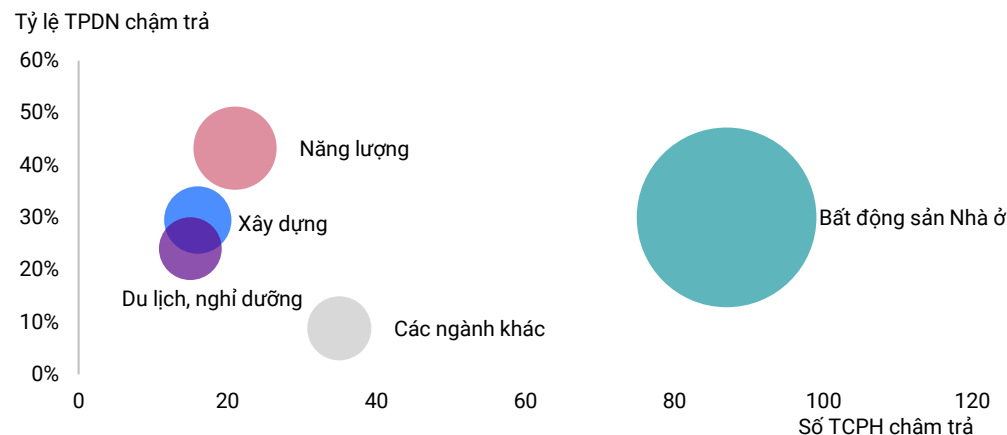
Ghi chú: Novaland là tổ chức phát hành (TCPH) đã công bố chậm trả lần đầu từ năm 2023 nên trong tháng 12/2024 chúng tôi không tính vào số TCPH chậm trả gốc/lãi lần đầu.  
 Nguồn: VIS Rating

**Hình 3: Tỷ lệ trái phiếu chậm trả và giá trị TPDN đang lưu hành**



Nguồn: VIS Rating

**Hình 4: Lượng trái phiếu chậm trả theo các nhóm ngành**



Ghi chú: Kích thước hình tròn thể hiện quy mô giá trị mệnh giá trái phiếu chậm trả lũy kế từ tháng 4/2022  
 Nguồn: VIS Rating

<sup>1</sup> Tham khảo báo cáo của chúng tôi [Tổng quan Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp – Tháng 11/2024](#)

\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 06 tháng 1 năm 2025, trừ khi có ghi chú khác. Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

**Hình 5: Danh sách trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 12/2024**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo trên HNX	Chậm trả	Lần đầu TCPH chậm trả gốc/lãi	Dư nợ gốc chậm trả (tỷ đồng)	Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của TCPH (tỷ đồng)
NVL2020-01-370	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova	Bất động sản Nhà ở	370	30-06-20	30-06-25	Thả nổi	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T +3.9%	Ưu tiên	Có bảo đảm	VPBS	30-12-24	3-01-25	Lãi	20-05-22	370	21,119
NVL2020-01-460	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova	Bất động sản Nhà ở	460	30-06-20	30-06-25	Thả nổi	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 12T +3.9%	Ưu tiên	Có bảo đảm	VPBS	30-12-24	3-01-25	Lãi	20-05-22	460	21,119

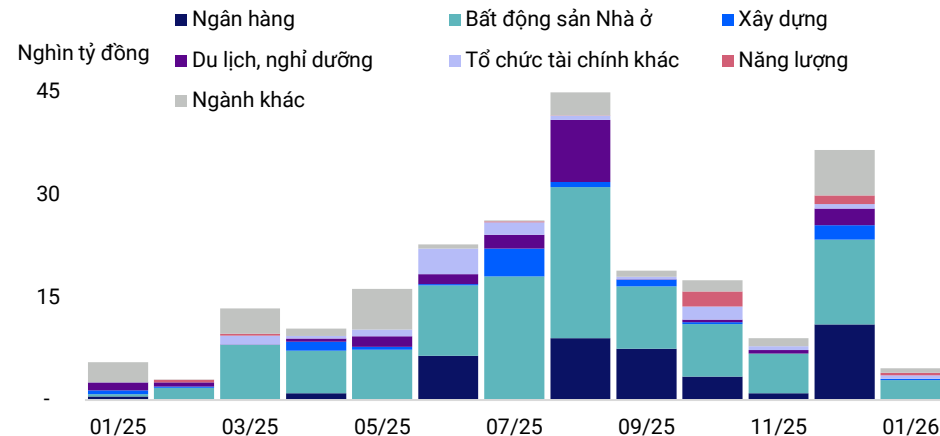
Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), VIS Rating

## TPDN sắp đáo hạn có rủi ro cao

22% trái phiếu đáo hạn trong tháng 1/2025 có nguy cơ chậm trả nợ gốc

- Có 5 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn trong tháng 1/2025, chúng tôi đánh giá có 2 trong 9 trái phiếu có nguy cơ chậm trả nợ gốc, cả hai đều thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở.
- Trong năm 2025, khoảng 110 nghìn tỷ trái phiếu phát hành bởi các TCPH thuộc nhóm Bất Động Sản Nhà ở sẽ đáo hạn. Trong đó, 31 nghìn tỷ đồng đã chậm trả gốc lãi trước đó. Những trái phiếu này đã chậm trả lãi hoặc chậm trả nợ gốc trước khi gia hạn đến năm 2025.
- Trong 224 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn năm 2025, trong đó chúng tôi ước tính 17% có rủi ro chậm trả nợ gốc. 94% giá trị trái phiếu rủi ro này đến từ nhóm Bất động sản Nhà ở và Du lịch, nghỉ dưỡng.

**Hình 6: Lượng trái phiếu đáo hạn hàng tháng theo nhóm ngành**

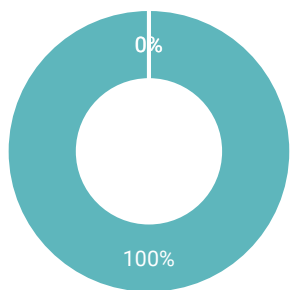


Nguồn: VIS Rating

**Hình 7: Trái phiếu có rủi ro cao trong tháng 1/2025 theo nhóm ngành và theo loại hình doanh nghiệp**

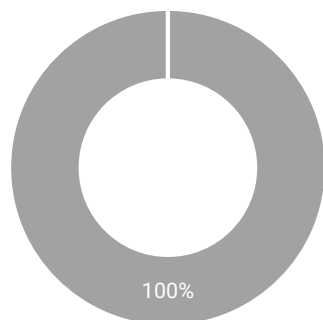
Trái phiếu rủi ro cao theo nhóm ngành

- Bất động sản Nhà ở
- Ngành khác



Trái phiếu rủi ro cao theo loại hình doanh nghiệp

- TCPH khác
- Công ty mới thành lập không có HĐKD cốt lõi

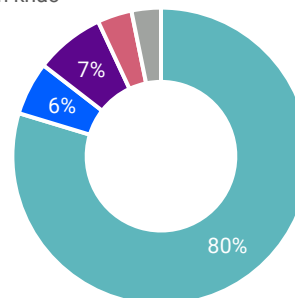


Nguồn: VIS Rating

**Hình 8: Lượng trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới theo nhóm ngành**

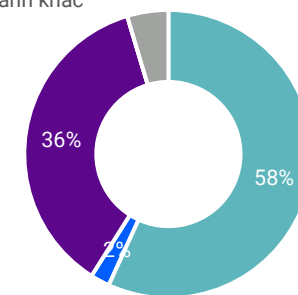
Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi

- Bất động sản Nhà ở
- Du lịch, nghỉ dưỡng
- Xây dựng
- Năng lượng
- Ngành khác



Trái phiếu có rủi ro cao

- Bất động sản Nhà ở
- Du lịch, nghỉ dưỡng
- Xây dựng
- Năng lượng
- Ngành khác



Ghi chú: Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi là trái phiếu đã từng chậm trả lãi hoặc chậm trả gốc nhưng đã được chấp thuận gia hạn kỳ hạn trả gốc trái phiếu

Nguồn: VIS Rating

**Hình 9: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 1/2025**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký (*)	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKKD cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
SEABOND14.25-005	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	500	31-12-14	01-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	SEASECURITIES	500	3,184	Không	Không	2,583	32,769	7.6	T6-2024
CRE202001	CTCP Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản Nhà ở	450	31-12-20	31-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	VND	354	354	Không	02-1-24	16	5,636	0.26	T6-2024
VNG122002	CTCP Du lịch Thành Thành Công	Du lịch, nghỉ dưỡng	500	04-01-22	04-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	VSDC	500	1,000	Không	Không	1	1,120	2.1	T6-2024
APSH2225001	CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	Tổ chức tài chính khác	4	12-01-22	12-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	VUA	4	5	Không	Không	35	816	0.02	T6-2024
APSH2225002	CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	Tổ chức tài chính khác	0	12-01-22	12-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	VUA	0	5	Không	Không	35	816	0.02	T6-2024
VLDCH2225001	CTCP Phát triển Đất Việt	Các loại hình bất động sản	1,600	14-01-22	14-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	TPB	1,440	1,440	Không	Không	(52)	3,990	1.4	T6-2024
CTD122015	CTCP Xây dựng Cotecccons	Xây dựng	475	14-01-22	14-01-25	Thứ cấp	Có bảo đảm	VSDC	475	475	Không	Không	309	8,591	0.2	T6-2024
HBCH2225001	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng	500	27-01-22	27-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	ACBS	100	508	Không	Không	829	1,662	2.7	T6-2024
VIFCB2325001	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Sản xuất ô tô	1,500	31-07-23	31-01-25	Thứ cấp	Không bảo đảm	TCSC	1,500	13,620	Không	Không	(9,068)	8,457	23.1	T6-2024

(\*) Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký phụ lục. Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

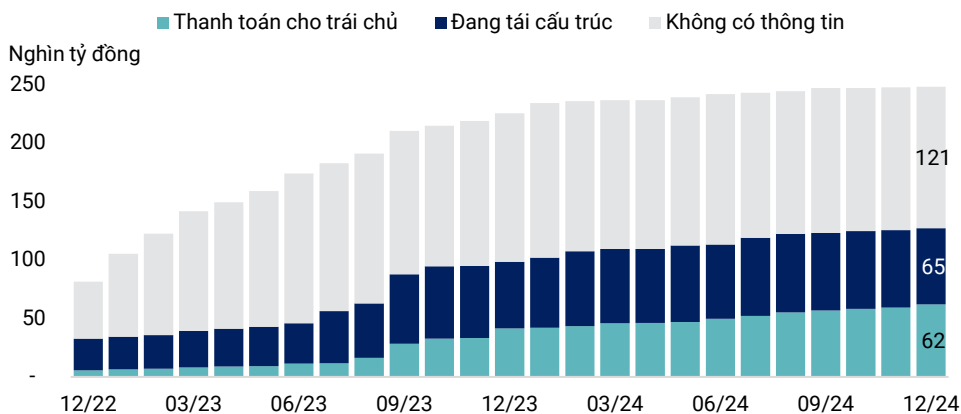
Nguồn: HNX, VIS Rating

## Tình hình xử lý TPDN chậm trả

Trong tháng 12/2024, các TCPH đã trả cho trái chủ tổng cộng 2.8 nghìn tỷ đồng dư nợ gốc trái phiếu chậm trả

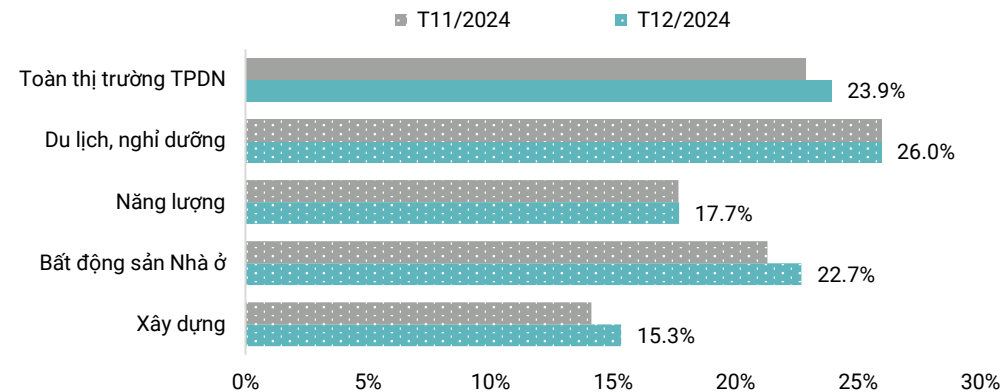
- Trong tháng 12/2024, 10 TCPH chậm trả thuộc các lĩnh vực Bất động sản Nhà ở, Năng lượng, Xây dựng, Du lịch nghỉ dưỡng và Sản phẩm Nông nghiệp đã hoàn trả tổng cộng 2,768 tỷ đồng tiền gốc cho các trái chủ. Trong đó, CTCP Kinh doanh Bất động sản Thái Bình và Công ty TNHH Vịnh Ngôi Sao đã hoàn trả toàn bộ số tiền gốc còn lại của trái phiếu.
- Novaland công bố đã hoàn trả toàn bộ gốc của 5 trái phiếu cho các trái chủ với tổng giá trị gốc trái phiếu là 1,550 tỷ đồng. Những trái phiếu này đã chậm trả lãi coupon vào tháng 7 và tháng 8 năm 2023. Trong năm 2024, doanh nghiệp này đã hoàn trả khoảng 2 nghìn tỷ đồng nợ gốc trái phiếu, chỉ đạt gần 10% tổng giá trị gốc của các trái phiếu chậm trả gốc lãi, cho thấy doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn trong quá trình xử lý TPDN chậm trả.
- CTCP Hưng Thịnh Land đã hoàn trả 28.4 tỷ đồng gốc trái phiếu bằng phương thức hoán đổi tài sản khác. TCPH này không công bố chi tiết loại tài sản dùng để hoán đổi. Trong năm 2024, giá trị gốc trái phiếu chậm trả gốc lãi được hoàn trả thấp hơn 5% tổng lượng trái phiếu chậm trả của TCPH này.
- 85% nợ gốc trái phiếu đã chậm trả được hoàn trả trong tháng 12/2024 đến từ các TCPH nhóm Bất động sản Nhà ở với tổng giá trị gốc là 2.3 nghìn tỷ đồng. Nhờ đó, tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả của nhóm ngành Bất động sản Nhà ở tăng 1.4% lên mức 22.7% vào cuối tháng 12 năm 2024. Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả của toàn thị trường TPDN đã tăng 1% so với mức 22.9% vào cuối tháng 11/2024.

**Hình 11: Tình hình tái cấu trúc nợ của trái phiếu chậm trả gốc/lãi**



Nguồn: VIS Rating

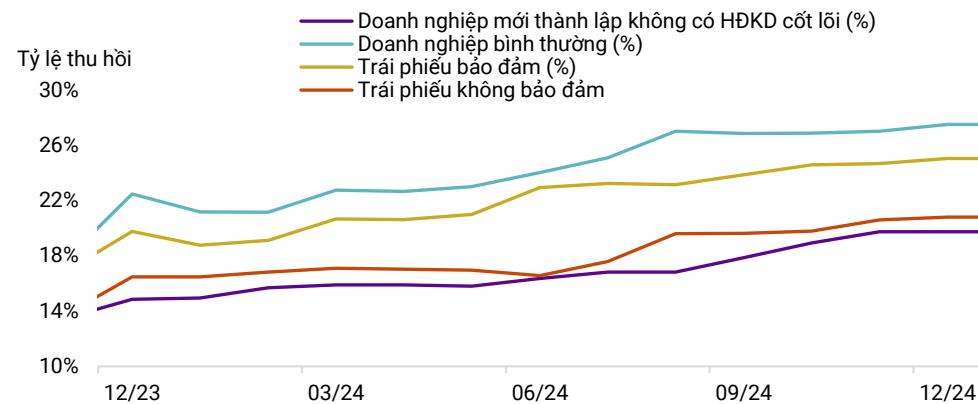
**Hình 10: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo nhóm ngành**



Ghi chú: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả dựa vào số liệu hoàn trả gốc trái phiếu đã chậm trả, bao gồm cả các trường hợp đã trả một phần gốc trái phiếu và đang tiếp tục tái cấu trúc nợ

Nguồn: VIS Rating

**Hình 12: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo loại hình doanh nghiệp/trái phiếu**



Ghi chú: Doanh nghiệp mới thành lập không có hoạt động kinh doanh (HDKD) cốt lõi hầu hết có nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh hạn chế

Nguồn: VIS Rating

**Hình 13: Các hoạt động tái cấu trúc trái phiếu chậm trả được công bố trong tháng 12/2024**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày bắt đầu chậm trả gốc/lãi	Chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo tái cấu trúc trên HNX	Loại hình tái cấu trúc	Giá trị gốc đã trả (tỷ đồng)	Giá trị còn lại sau tái cấu trúc (tỷ đồng)
HS2.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn 2	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định – 3 tháng	13.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	25-12-23	Gốc	6-12-24	Trả bằng tiền	113	387
HSC.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định – 3 tháng	13.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-12-23	Gốc	6-12-24	Trả bằng tiền	119	381
H79CH2123021	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	500	18-08-21	18-08-23	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.3% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.3%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	18-05-23	Gốc	6-12-24	Hoán đổi tài sản	112	388
HTLAND.2020.TV01	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	500	20-03-20	28-11-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 15.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.1%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PHS	20-06-23	Lãi	6-12-24	Hoán đổi tài sản	120	380
HTL-H2023-010	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	31-08-23	Cố định – 3 tháng	11%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Lãi	6-12-24	Hoán đổi tài sản	6	194
HTL-H2023-009	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Cố định – 3 tháng	11%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	6-12-24	Hoán đổi tài sản	19	181
HTL-H2023-008	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Cố định – 3 tháng	11%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	6-12-24	Hoán đổi tài sản	17	183
HTL-H2023-007	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Cố định – 3 tháng	11%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	6-12-24	Hoán đổi tài sản	24	176
HTL-H2023-006	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	30-11-24	Cố định – 3 tháng	11%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	6-12-24	Hoán đổi tài sản	14	186
HTL-H2023-005	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	300	28-08-20	28-08-24	Cố định – 3 tháng	11%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	28-08-23	Lãi	6-12-24	Hoán đổi tài sản	15	285
HTL-H2023-004	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản Nhà ở	200	31-08-20	31-08-23	Cố định – 3 tháng	11%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-08-23	Gốc	6-12-24	Hoán đổi tài sản	8	192
SSHCH2123001	CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	Xây dựng	2400	10-09-21	10-09-25	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	10-09-23	Gốc	13-12-24	Trả bằng tiền	1,428	972
TRINHGIANGUYEN.BOND.2020	Công ty TNHH Viên thông Trịnh Gia Nguyễn	Du lịch, nghỉ dưỡng	1400	16-04-20	16-04-29	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 12.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 5.5%	Ưu tiên	Không bảo đảm	PSI	14-04-23	Gốc	19-12-24	Trả bằng tiền	2	1,398
THAIBINH.BOND.2019	CTCP Kinh doanh Bất động sản Thái Bình	Bất động sản Nhà ở	500	26-12-19	26-12-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi cho vay 12T + 5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	26-06-23	Lãi	25-12-24	Trả bằng tiền	500	-
HAGLBOND16.26	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Sản phẩm nông nghiệp	6546	30-12-16	30-12-26	Cố định – 3 tháng	9.8%	Ưu tiên	Không bảo đảm	BSI	30-09-23	Lãi	27-12-24	Trả bằng tiền	4,830	716
NSRCH2223001	Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Nova Saigon Royal	Bất động sản Nhà ở	1,000	17-03-22	17-09-23	Cố định – 3 tháng	10.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	CTS	17-09-23	Lãi	3-01-24	Trả bằng tiền	30	970
NVL2020-01-500	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	500	20-07-20	31-12-24	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 11% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 3.9%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	20-07-23	Lãi	6-01-24	Trả bằng tiền	500	-
NVL2020-03-140	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	140	26-08-20	31-12-24	Cố định – 6 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	28-08-23	Lãi	6-01-24	Trả bằng tiền	140	-
NVL2020-03-190	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	190	25-08-20	31-12-24	Cố định – 6 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	25-08-23	Lãi	6-01-24	Trả bằng tiền	190	-
NVL2020-03-240	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	240	28-08-20	31-12-24	Cố định – 6 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	26-08-23	Lãi	6-01-24	Trả bằng tiền	240	-
NVL2020-01-480	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản Nhà ở	480	20-07-20	31-12-24	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 11% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 3.9%	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	20-07-23	Lãi	6-01-24	Trả bằng tiền	480	-
VNSCH2125001	Công ty TNHH Vịnh Ngôi Sao	Bất động sản Nhà ở	200	30-06-21	27-12-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 9% Các năm sau: lãi cho vay 6T + 1.1%	Ưu tiên	Có bảo đảm	VPBS	04-01-22	Lãi	6-01-24	Trả bằng tiền	200	-
VNSCH2126002	Công ty TNHH Vịnh Ngôi Sao	Bất động sản Nhà ở	290	30-06-21	27-12-24	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 9% Các năm sau: lãi cho vay 6T + 1.1%	Ưu tiên	Có bảo đảm	VPBS	04-01-22	Lãi	6-01-24	Trả bằng tiền	290	-

(\*)Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục  
Nguồn: HNX, VIS Rating

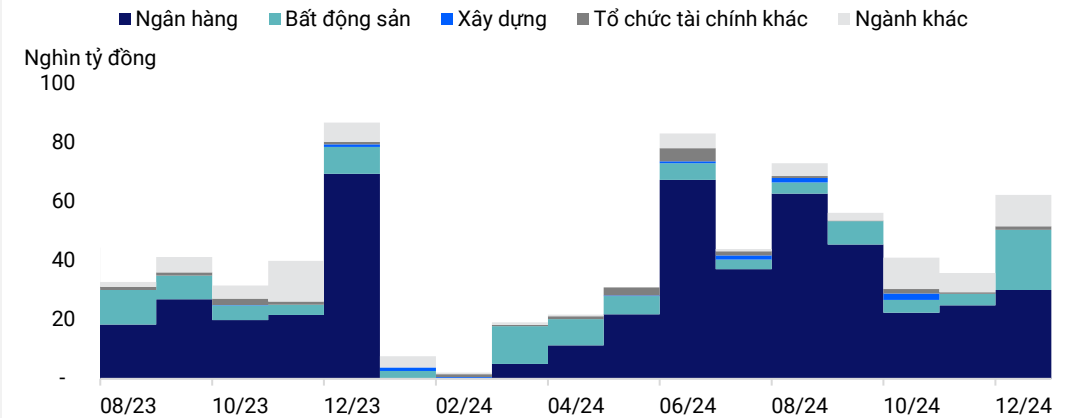


## Phát hành mới

Phát hành trái phiếu mới trong tháng 12/2024 đạt trên 70.4 nghìn tỷ đồng

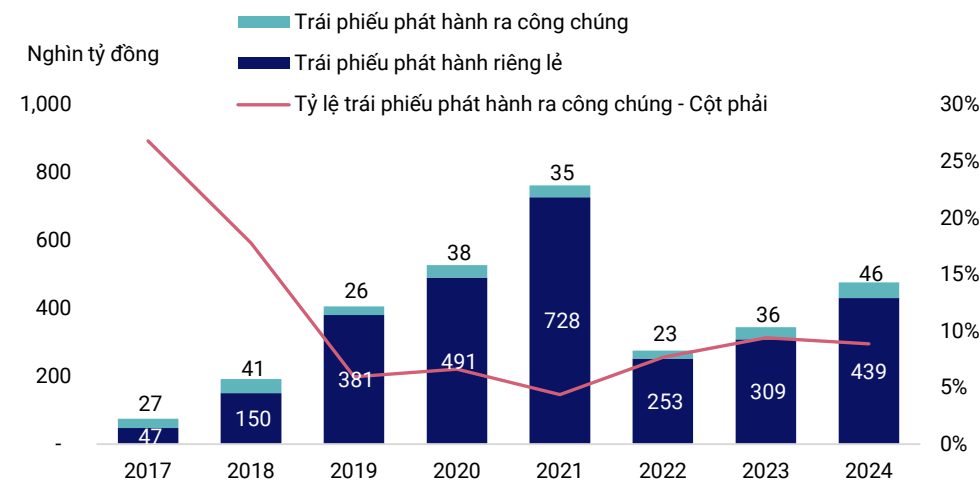
- Trong tháng 12/2024, giá trị phát hành trái phiếu mới đạt 70.4 nghìn tỷ đồng tăng so với mức 35.8 nghìn tỷ đồng trong tháng 11/2024. Tổng lượng phát hành mới trong 2024 đạt 485 nghìn tỷ đồng tăng 40% so với mức 344 nghìn tỷ đồng trong 2023. Trong các trái phiếu được phát hành năm 2024, 70% từ nhóm ngân hàng, 17% từ nhóm Bất động sản Nhà ở.
- Trong số các trái phiếu do các ngân hàng phát hành vào tháng 12/2024, 25% là trái phiếu thứ cấp đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2, được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Kiên Long, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Công Thương, và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Các trái phiếu vốn cấp 2 này có kỳ hạn từ 7 đến 10 năm và lãi suất từ 5.8% đến 7.5% trong năm đầu tiên. Các trái phiếu khác là trái phiếu không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn 2-5 năm và lãi suất từ 5.2% đến 6.2%.
- Trong tháng 12/2024, một TCPH thuộc nhóm Ngân hàng phát hành ra công chúng với tổng giá trị là 800 tỷ đồng. Trong năm 2024, số lượng trái phiếu phát hành ra công chúng tăng 30% so với 2023, đạt 46 nghìn tỷ đồng. 8.9% tổng lượng trái phiếu phát hành mới đến từ các đợt phát hành ra công chúng.

Hình 14: Trái phiếu phát hành mới hàng tháng theo nhóm ngành



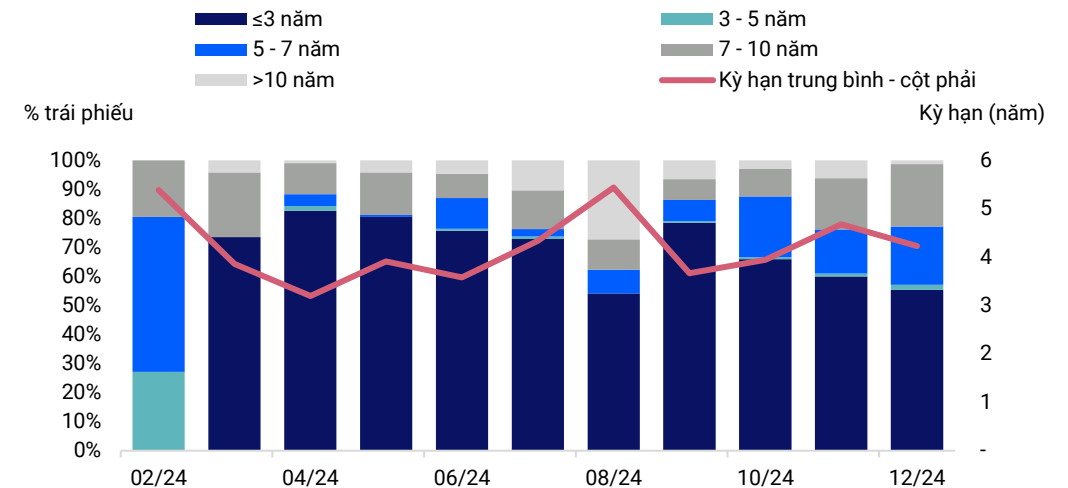
Nguồn: VIS Rating

Hình 15: Phát hành riêng lẻ/ra công chúng theo năm



Nguồn: VIS Rating

Hình 16: Cấu trúc kỳ hạn của các TPDN phát hành mới



Nguồn: VIS Rating

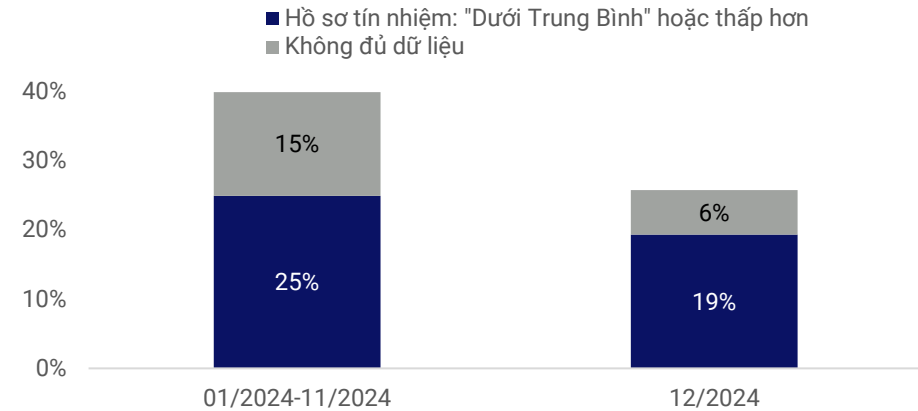


## Hồ sơ tín nhiệm của TCPH

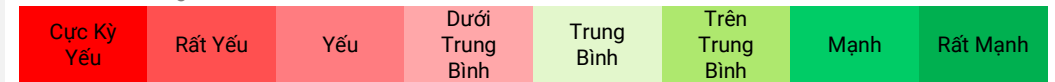
19% các TCPH trong tháng 12/2024 có hồ sơ tín dụng ở mức "Dưới mức trung bình" hoặc thấp hơn

- Chúng tôi ước tính có 19% TCPH trong tháng 12/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới Trung bình' hoặc thấp hơn.
- Trong tháng 12/2024, tỷ lệ TCPH thuộc nhóm tài chính có các tiêu chí tín nhiệm ở mức 'Yếu' thấp hơn trung bình 11 tháng đầu năm, trong khi tỷ lệ này ở nhóm doanh nghiệp phi tài chính thì tăng lên.
- Trong tháng 12/2024, 71% các công ty phi tài chính phát hành trái phiếu có hệ số bao phủ nợ yếu. Trong số đó, 6 công ty có dòng tiền hoạt động "Yếu" đến "Cực kỳ Yếu" để đáp ứng các nghĩa vụ nợ. Ngoài ra, 2 TCPH cũng có hệ số đòn bẩy cực kỳ yếu, dẫn tới hồ sơ tín nhiệm ở mức "Yếu".
- Trong năm 2024, 52% TCPH có hồ sơ tín nhiệm ở mức "Dưới trung bình" hoặc thấp hơn thuộc nhóm Bất động sản Nhà ở hoặc Xây dựng. Trong số này, hơn một nửa là các công ty mới thành lập không có hoạt động kinh doanh cốt lõi với dòng tiền hoạt động hạn chế.

**Hình 17: TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu hoặc không công bố đủ thông tin để đánh giá giảm trong tháng 12/2024**



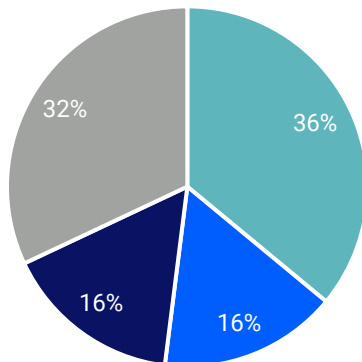
Ghi chú: TCPH có hồ sơ tín nhiệm ở mức Dưới Trung Bình, Yếu, Rất Yếu, Cực kỳ Yếu được phân thuộc nhóm Yếu dựa trên 8 mức đánh giá như hình dưới



Nguồn: HNX, VIS Rating

**Hình 18: 52% TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu thuộc nhóm Bất động sản Nhà ở và Xây dựng**

■ Bất động sản Nhà ở ■ Xây dựng ■ Tổ chức tài chính ■ Ngành khác



Ghi chú: Dữ liệu tổng hợp từ tháng 1/2024 đến 12/2024, không bao gồm các TCPH có thông tin hạn chế  
 Nguồn: VIS Rating

\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 6 tháng 1 năm 2025, trừ khi có ghi chú khác  
 Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

**Exhibit 19: Tỷ lệ % TCPH có một hoặc nhiều tiêu chí trong hồ sơ tín nhiệm yếu**

	01/2024-11/2024	12/2024
<b>Tổ chức tài chính</b>		
Khả năng thanh toán	17%	6%
Tính thanh khoản	19%	12%
<b>Nhóm phi tài chính</b>		
Hệ số đòn bẩy	24%	36%
Hệ số bao phủ nợ	71%	71%

Nguồn: VIS Rating

**Hình 20: Danh sách phát hành mới tháng 12/2024**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)	Nguồn dữ liệu tài chính
BCM2428006	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Bất động sản khu công nghiệp	1,080	02-12-24	02-12-28	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 10.7% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 4.4%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	BID	Riêng lẻ	Không	2,620	Dữ liệu công ty
BABL2427010	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	500	02-12-24	02-12-27	Cố định – 3 tháng	5.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	12,000	Dữ liệu công ty
AVTCH2429001	Công ty TNHH Allgreen - Vượng Thành - Trùng Dương	Du lịch, nghỉ dưỡng	1,735	02-12-24	02-12-29	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 12.0% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 4.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
CTGL2432016	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Ngân hàng	920	03-12-24	03-12-32	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 5.8% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 1.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	CTG	Riêng lẻ	Không	19,367	Dữ liệu công ty
VIBL2427008	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	04-12-24	04-12-27	Cố định – 6 tháng	Năm đầu: 5.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,000	Dữ liệu công ty
IPAH2429005	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Năng lượng	550	04-12-24	04-12-29	Cố định – 3 tháng	Năm đầu: 9.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	2,748	Dữ liệu công ty
TPBL2427028	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	1,000	04-12-24	04-12-27	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 5.3% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 0.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
F88CH2425008	CTCP Kinh doanh F88	Tổ chức tài chính khác	50	05-12-24	05-12-25	Cố định – 3 tháng	10.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	770	Không có thông tin
MSFCLH2426003	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei	Tổ chức tài chính khác	130	05-12-24	05-12-26	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	750	Các nguồn khác
ECFCH2425001	CTCP Encapital Holdings	Tổ chức tài chính khác	100	05-12-24	05-12-25	Cố định – 6 tháng	9.0%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	-	Dữ liệu công ty
BHDCH2429001	CTCP Huy Dương Group	Du lịch, nghỉ dưỡng	900	09-12-24	09-12-29	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 12.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 13T + 4.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
OCBL2427022	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	700	10-12-24	10-12-27	Cố định – 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,600	Dữ liệu công ty
TPBL2434029	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	200	10-12-24	10-12-34	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
TPBL2434030	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	67	10-12-24	10-12-34	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.1% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
VJCH2429006	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	3,000	11-12-24	11-12-29	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 13T + 4.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Không	9,000	Dữ liệu công ty
OCBL2427023	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1,000	11-12-24	11-12-27	Cố định – 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,600	Dữ liệu công ty
OCBL2427024	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	2,000	12-12-24	12-12-27	Cố định – 12 tháng	5.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,600	Dữ liệu công ty
TPBL2434031	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	50	12-12-24	12-12-34	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.2% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 1.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty

Nguồn: HNX, VIS Rating

**Hình 20: Danh sách phát hành mới tháng 12/2024 (tiếp theo)**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)	Nguồn dữ liệu tài chính
MSFCLH2426004	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei	Tổ chức tài chính khác	400	13-12-24	13-12-26	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	750	Dữ liệu công ty
VIBL2427009	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	13-12-24	13-12-27	Cố định – 12 tháng	5.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,000	Dữ liệu công ty
SBTB2427001	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Sản phẩm tiêu dùng	700	13-12-24	13-12-27	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.2% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 5.0%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	1,000	Các nguồn khác
ABBL2426003	Ngân hàng TMCP An Bình	Ngân hàng	1,600	16-12-24	16-12-26	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 5.7% Các năm sau: lãi tiền gửi 6T + 0.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	6,300	Dữ liệu công ty
MSFCLH2426005	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei	Tổ chức tài chính khác	500	17-12-24	17-12-26	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.7% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	750	Các nguồn khác
MBBL2432022	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	1,000	17-12-24	17-12-32	Cố định – 12 tháng	6.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,805	Dữ liệu công ty
VHMB2427009	CTCP Vinhomes	Bất động sản Nhà ở	4,000	17-12-24	17-12-27	Cố định – 12 tháng	12.0%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	22,500	Dữ liệu công ty
TPBL2434032	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	88	17-12-24	17-12-34	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.1% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
VIBL2431010	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2,000	18-12-24	18-12-31	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,000	Dữ liệu công ty
TPBL2434033	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	110	18-12-24	18-12-34	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
ACBL2429016	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	250	18-12-24	18-12-29	Cố định – 12 tháng	6.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	24,140	Dữ liệu công ty
TPBL2427034	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	1,000	19-12-24	19-12-27	Cố định – 12 tháng	5.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
NEWCB2427002	CTCP Đầu tư và Phát triển NEWCO	Bất động sản Nhà ở	3,400	19-12-24	19-12-27	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 9.0% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 1.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
NEWCB2425001	CTCP Đầu tư và Phát triển NEWCO	Bất động sản Nhà ở	1,500	19-12-24	19-12-25	Cố định – 12 tháng	9.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
NEWCB2429003	CTCP Đầu tư và Phát triển NEWCO	Bất động sản Nhà ở	2,000	19-12-24	19-12-29	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 9.0% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 1.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
MBBL2431023	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	50	19-12-24	19-12-31	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.3% Các năm sau: lãi tham chiếu + 1.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,805	Dữ liệu công ty
MSBL2427012	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,000	20-12-24	20-12-27	Cố định – 12 tháng	5.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	18,300	Dữ liệu công ty
TPBL2427035	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	2,000	20-12-24	20-12-27	Cố định – 12 tháng	5.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
MBBL2432025	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	300	20-12-24	20-12-32	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.3% Các năm sau: lãi tham chiếu + 1.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,805	Dữ liệu công ty
TPBL2434036	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	196	20-12-24	20-12-34	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
TPBL2434038	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	67	20-12-24	20-12-34	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.1% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty

Nguồn: HNX, VIS Rating

\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 6 tháng 1 năm 2025, trừ khi có ghi chú khác  
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

**Hình 20: Danh sách phát hành mới tháng 12/2024 (tiếp theo)**

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)	Nguồn dữ liệu tài chính
MBBL2431024	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	100	20-12-24	20-12-31	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.2% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 1.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,805	Dữ liệu công ty
HDBL2426026	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	850	20-12-24	20-12-26	Cố định – 12 tháng	5.7%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	37,940	Dữ liệu công ty
TPBL2427037	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	1,000	20-12-24	20-12-27	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 5.6% Các năm sau: lãi tham chiếu + 0.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
KLB7Y202401	Ngân hàng TMCP Kiên Long	Ngân hàng	800	21-12-24	21-12-31	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.9% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 1.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	SHS	Đại chúng	Không	-	Dữ liệu công ty
MBBL2432026	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	50	23-12-24	23-12-32	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.3% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 1.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,805	Dữ liệu công ty
MSBL2427013	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1,000	23-12-24	23-12-27	Cố định – 12 tháng	5.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	18,300	Dữ liệu công ty
ATHCB2431001	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tổng hợp An Thịnh	Bất động sản Nhà ở	7,000	23-12-24	23-12-31	Thả nổi – 6 tháng	Năm đầu: 3.0% Các năm sau: Lãi vay 6T + 1.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	-	Không có thông tin
MBBL2432027	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	700	23-12-24	23-12-32	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 6.3% Các năm sau: lãi tham chiếu + 1.6%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	28,805	Dữ liệu công ty
HDBH2429027	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,150	23-12-24	23-12-29	Cố định – 12 tháng	6.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	37,940	Dữ liệu công ty
HDBL2427028	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1,000	24-12-24	24-12-27	Cố định – 12 tháng	5.7%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	37,940	Dữ liệu công ty
TCBL2429017	Ngân hàng TMCP Ký thương Việt Nam	Ngân hàng	450	24-12-24	24-12-29	Cố định – 12 tháng	6.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	45,640	Dữ liệu công ty
ABBL2426004	Ngân hàng TMCP An Bình	Ngân hàng	400	24-12-24	24-12-26	Cố định – 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	6,300	Dữ liệu công ty
MANCB2426001	CTCP Phát triển và Đầu tư Kinh doanh Minh An	Bất động sản Nhà ở	1,000	24-12-24	24-06-26	Cố định – 3 tháng	10.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
HUTB2427001	CTCP Tasco	Hạ tầng giao thông	500	24-12-24	24-12-27	Thả nổi – 3 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 4.0%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	-	Dữ liệu công ty
PTJCB2425001	CTCP Phú Thọ Land	Bất động sản Nhà ở	950	24-12-24	24-12-25	Cố định – 3 tháng	10.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
HDBL2431029	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	500	24-12-24	24-12-31	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: Lãi tham chiếu + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	37,940	Dữ liệu công ty
AVNCH2429001	CTCP AAC Việt Nam	Bất động sản Nhà ở	490	24-12-24	24-12-31	Cố định – 12 tháng	10.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	-	Các nguồn khác
TN1H2427001	CTCP ROX Key Holdings	Dịch vụ	200	27-12-24	27-12-27	Cố định – 12 tháng	9.8%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	-	Dữ liệu công ty
VJCH2429007	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	2,000	28-12-24	28-12-29	Thả nổi – 12 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: Lãi tiền gửi 13T + 4.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Không	9,000	Dữ liệu công ty

Nguồn: HNX, VIS Rating

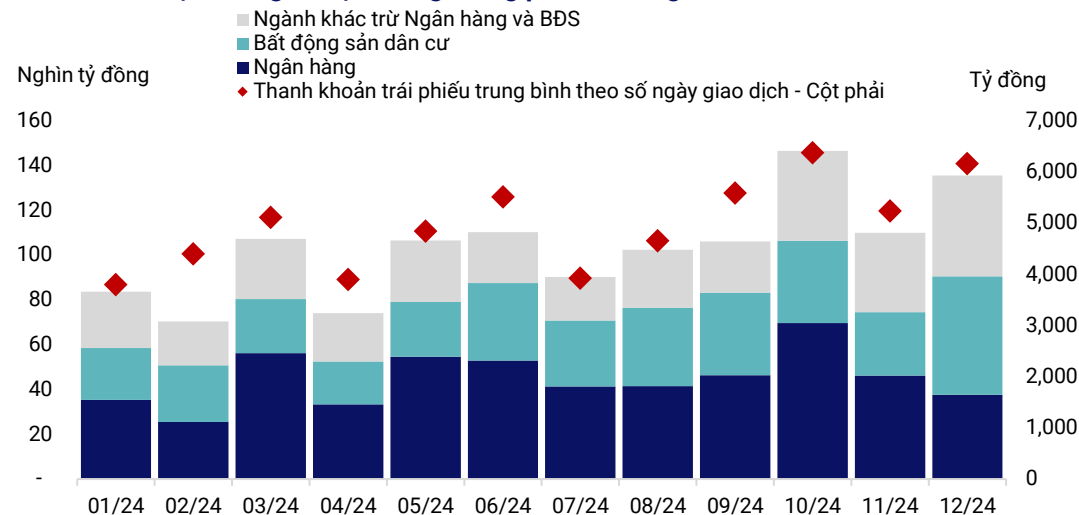
\* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 6 tháng 1 năm 2025, trừ khi có ghi chú khác  
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

## Thị trường thứ cấp

Giá trị TPDN giao dịch trung bình trên thị trường thứ cấp tăng 11% so với tháng trước

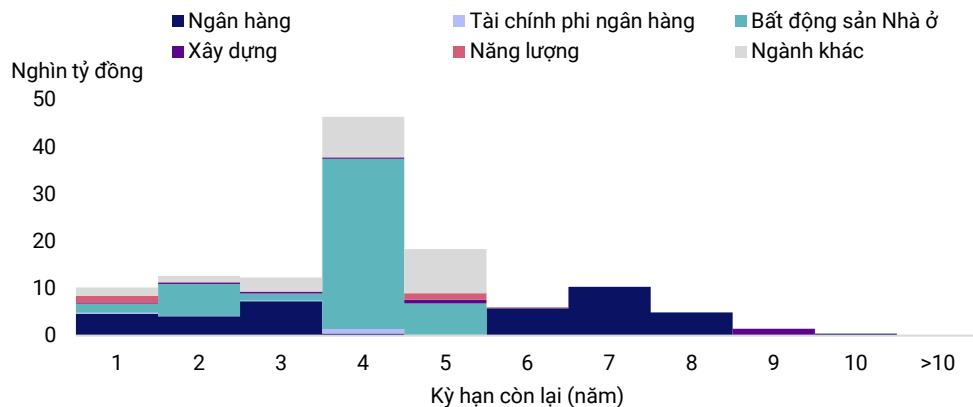
- Giá trị TPDN giao dịch trung bình trên thị trường thứ cấp tăng 11%, đạt 5.8 nghìn tỷ đồng/ngày trong tháng 12/2024, thấp hơn so với mức 5.2 nghìn tỷ đồng trong tháng 11/2024.
- Trái phiếu do nhóm Ngân hàng và Bất động sản phát hành chiếm khoảng 74% khối lượng giao dịch trong tháng.
- 38% khối lượng giao dịch có kỳ hạn còn lại là 4 năm, chủ yếu là từ trái phiếu thuộc các TCPH nhóm Bất động sản Nhà ở. 92% khối lượng giao dịch có kỳ hạn còn lại từ 6 năm trở lên từ thuộc các TCPH nhóm Ngân hàng.
- Trong tháng 12/2024, lợi suất trung bình của trái phiếu ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên trung bình” duy trì ổn định so với tháng trước trên hầu hết các kỳ hạn.

Hình 21: Giá trị TPDN giao dịch hàng tháng phân theo ngành



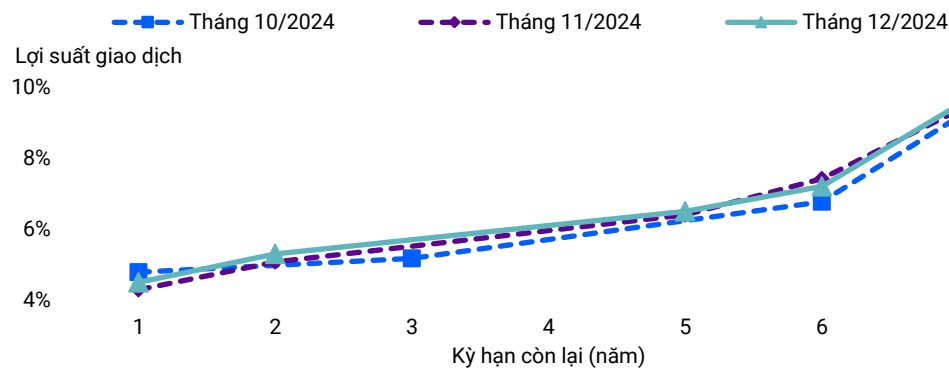
Ghi chú: Chúng tôi tính toán khối lượng giao dịch trung bình dựa trên khối lượng giao dịch trong tháng / tổng số ngày giao dịch tại tháng đó  
 Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 22: Giá trị TPDN giao dịch phân theo kỳ hạn và ngành



Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 23: Lợi suất giao dịch bình quân các trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình”<sup>1</sup>



Ghi chú: Lợi suất giao dịch trung bình ước tính từ các giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ và trái phiếu phát hành ra công chúng trong tháng, loại trừ dữ liệu từ các giao dịch của trái phiếu chuyển đổi

<sup>1</sup> Tham khảo [Thang điểm xếp hạng tín nhiệm - VIS Rating](#)

Nguồn: HNX, VIS Rating

**Phụ lục**

Tên viết tắt của các Tổ chức lưu ký

#	Tên viết tắt	Tên đầy đủ
1	AAS	CTCP Chứng khoán Smart Invest
2	ABW	CTCP Chứng khoán An Bình
3	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
4	BMS	CTCP Chứng khoán Bảo Minh
5	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV
6	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt
7	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
8	CTS	CTCP Chứng khoán Công Thương Việt Nam
9	DSC	CTCP Chứng khoán DSC
10	EVS	CTCP Chứng khoán EVEREST
11	HCM	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
12	HDBS	CTCP Chứng khoán HD
13	HRS	CTCP Chứng khoán SmartMind
14	IVB	Ngân hàng TNHH Indovina
15	IVS	CTCP Chứng khoán Guotai Junan
16	MAS	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
17	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội
18	MBS	CTCP Chứng khoán MB
19	NSI	CTCP Chứng khoán Quốc Gia
20	PHS	CTCP Chứng khoán Phú Hưng
21	PSI	CTCP Chứng khoán Dầu khí
22	SEASECURITIES	CTCP Chứng khoán Asean
23	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
24	TCBS	CTCP Chứng khoán Kỹ thương
25	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công
26	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
27	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
28	TVSI	CTCP Chứng khoán Tân Việt
29	VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
30	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt
31	WISE	CTCP chứng khoán Quốc tế Việt Nam
32	VIX	CTCP Chứng khoán VIX
33	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT
34	VPBS	CTCP Chứng khoán VPBank
35	VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Nguồn: VIS Rating

© 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM ("VIS RATING"). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ "CÁC ẢN PHẨM") CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỶ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẢN PHẨM VỀ CÁC KỶ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TÙY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỶ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM ("CÁC ĐÁNH GIÁ"), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NẾU TRONG CÁC ẢN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIỆN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYÊN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỶ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỶ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẢN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẢN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẢN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỔ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỔ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY ("CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING")) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỶ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỶ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỶ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẢN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỶ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIÊU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở "NGUYÊN TRẠNG" mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các ản Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kể tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỶ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỶ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỶ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỶ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẢN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỶ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỶ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẢN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẢN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liền trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề "Thông Tin Doanh Nghiệp".